

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17 /2022/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 20 tháng 05 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tổ chức dịch vụ chi trả; phương thức chi trả; mức chi cho tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi cho công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTB&XH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 26/TTr-SLĐTBXH ngày 15 tháng 3 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về tổ chức dịch vụ chi trả; phương thức thực hiện chi trả; mức chi cho Tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi cho công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

- Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Quy định về tổ chức dịch vụ chi trả; phương thức chi trả; mức chi cho tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi cho công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

1. Tổ chức dịch vụ chi trả: Bưu điện tỉnh Phú Thọ.
2. Phương thức chi trả: Chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho đối tượng.
3. Mức chi cho tổ chức dịch vụ chi trả: Tỷ lệ 1,15% kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng của các huyện, thành, thị.
4. Mức chi cho công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội: Đối với cấp tỉnh 0,1%, cấp huyện 0,5%, cấp xã 1%/tổng kinh phí chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội mà cấp đó quản lý.

**Điều 3.** Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chi cho tổ chức dịch vụ chi trả, công tác quản lý các đối tượng trên địa bàn của các cấp được bố trí từ nguồn đảm bảo xã hội và dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách, đảm bảo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

Giao Sở Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, ký hợp đồng trách nhiệm với Bưu điện tỉnh; Phối hợp với Bưu điện tỉnh hướng dẫn Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội ký hợp đồng dịch vụ với Bưu điện các huyện, thành, thị để thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo quy định.

**Điều 5.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.
2. Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt lựa chọn Tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi phí chi trả chế độ, chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội; mức chi cho tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bưu điện tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ pháp chế- Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Công báo- Tin học.
- CV: NCTH;
- Lưu VT, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Đại Dũng**

